

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2019

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985; (có mặt).

ĐKTT: ấp VĐ, xã VA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cư trú: ấp A, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1981; (có mặt).

Địa chỉ: ấp VĐ, xã VA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019, biên bản hòa giải ngày 13/5/2019, 17/6/2019 trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh V cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện B, tỉnh Bến Tre theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn, chị và anh V sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, gây gổ với nhau vì bất đồng trong cuộc sống. Cách nay 03 tháng thì chị và anh V cự cãi với nhau và anh V có đánh chị sau đó anh V chở chị về nhà cha mẹ ruột của chị, chị và anh V sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn lại với nhau được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh V.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay hai con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2019, 17/6/2019; biên bản hòa giải ngày 13/5/2019, 17/6/2019 bị đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T cưới nhau năm 2005 do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện B, tỉnh Bến Tre. Hai vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khi hai vợ chồng cự cãi với nhau thì anh có đánh T. Cách nay 03 tháng anh và chị T có cự cãi với nhau nhưng anh không có đánh chị T như chị T trình bày. Nay anh còn thương vợ, thương con nên chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay hai con chung đang sống với chị T, nhưng từ khi ly thân thì cháu Ý do anh nuôi dưỡng, ngày 02/7/2019 do cháu Ý nhớ chị T và chị của cháu nên anh đã đưa cháu Ý về cho chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về thủ tục:* Xét thấy trong quá trình tố tụng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định.

- *Về nội dung:* Chị T và anh V có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã VA nên là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hai vợ hai vợ chồng có bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, gây gổ, trong lúc cự cãi

thì anh V có đánh chị T và hai anh chị đã sống ly thân nay hơn 3 tháng. Chị T xác xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung với anh V; anh V không đồng ý ly hôn nhưng từ khi ly thân đến nay anh V không có biện pháp hòa giải, hàn gắn hôn nhân nên thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh V là có căn cứ. Con chung cháu H và cháu N hiện đang sống với chị T, cháu Như có nguyện vọng sống với chị T; từ khi ly thân cháu N do anh V nuôi dưỡng nhưng anh V cho rằng khi cháu Ý sống với anh cháu Ý nhớ mẹ và nhận thấy cháu Ý từ khi sinh ra chị T nuôi dưỡng nhiều hơn anh V nên cần giao cháu Ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 745.000đ/tháng cho đến khi cháu Như, cháu Ý tròn 18 tuổi. Áp dụng các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh V; Con chung: giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/6/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh V cấp dưỡng nuôi cháu Như và cháu Ý 745.000đ/cháu/tháng cho đến khi cháu Như, cháu Ý; Tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Thanh V cư trú tại: ấp VĐ, xã VA, huyện B, tỉnh Bến Tre, căn cứ vào Điều 28 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V cưới nhau năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện B, tỉnh Bến Tre nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T, anh V chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ khoảng tháng 4 năm 2019, chị T và anh V đã sống ly thân cho đến nay không có hàn gắn lại với nhau. Mặc dù, anh V không đồng ý ly hôn với chị T nhưng từ khi ly thân cho đến nay hai vợ chồng anh chị không hàn gắn lại được với nhau và chị T xác định không còn tình cảm với anh V, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh V. Hơn nữa anh V thừa nhận trong lúc hai vợ chồng cự cãi, gây gổ với nhau anh có đánh chị T. Từ các căn cứ trên Hội đồng xét xử xét, thấy tình trạng mâu thuẫn của chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu của chị T về việc xin ly

hôn với anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị T và anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/6/2014. Cả anh V và chị T đều có yêu cầu nuôi hai cháu Như và Ý. Thấy rằng từ khi anh V, chị T ly thân, cháu Như sống cùng chị T và cháu có nguyện vọng sống với chị T nên giao cháu Như cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Đối với cháu Ý mặc dù từ khi anh V và chị T ly thân do anh V nuôi dưỡng nhưng nay anh V đã đưa cháu Ý về cho chị T nuôi dưỡng. Anh V cũng cho rằng khi sống với anh thì cháu Ý nhớ mẹ, nhớ chị, anh cũng không muốn hai chị em cháu sống riêng. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù, anh V có nguyện vọng nuôi hai con chung nhưng cháu Như đã có nguyện vọng sống với chị T nên giao cháu Ý cho T tiếp tục nuôi dưỡng thì sẽ tốt hơn về mặt tâm lý của cháu. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H và N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh V không trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị T có yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Như, cháu Ý mỗi tháng theo quy định pháp luật là 745.000đ/tháng/cháu cho đến khi cháu Như, cháu Ý tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ và anh Nguyễn Thanh V phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Thanh V.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung

- Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/6/2014.

- Anh Nguyễn Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/6/2014 mỗi tháng 745.000đ/cháu đến khi cháu Như, cháu Ý tròn 18 tuổi.

- Anh Nguyễn Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001906 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Anh Nguyễn Thanh V phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phước – Phan Hồng Sáng

Nguyễn Duy Linh